

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 12/2017/DSST

Ngày: 28/12/2017

V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Minh

2. Bà Phạm Phú Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Đình Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1977 (có mặt)

***Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: M – N – X – Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B thống nhất trình bày: Chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999. Trước khi về chung sống thì có được tìm hiểu và có được gia đình tổ chức cưới, hỏi theo phong tục địa phương. Nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi được gia đình tổ chức cưới, anh chị đã về chung sống với nhau ngay.

Mâu thuẫn vợ chồng theo chị C trình bày: Phát sinh là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra va chạm. Nhất là từ tháng 4 năm 2015 anh B đã bỏ nhà đi sống ở bên ngoài mà không

rõ lý do và không liên hệ với mẹ con chị. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên chị xin được ly hôn với anh B.

Mâu thuẫn vợ chồng theo anh B trình bày: Thời gian đầu thì tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau khi chung sống thì tình cảm vợ chồng cứ lạnh nhạt dần, anh có nghi ngờ chị C có tình cảm với người đàn ông khác, còn chị C đi làm thì không quan tâm, chăm lo gì cho gia đình nên từ đó tình cảm vợ chồng càng lạnh nhạt. Từ tháng 5 năm 2015 vợ chồng đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó. Nay anh B xác định tình cảm không còn nên nếu chị C xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B thống nhất xác định là có 02 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03/9/2000 và Trần Yên N, sinh ngày 03/8/2009. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cả 2 con chung là Trần Văn D và Trần Yên N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có quyền đi lại thăm nom con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B thống nhất không có gì đề nghị Tòa án giải quyết

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L^ong Tài xác định việc Toà án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, điều tra xác minh, ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng cũng chấp hành đúng các quy định của pháp luật

Viện kiểm sát nhân dân huyện X đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 227, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về hôn nhân: Xử không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B: Giao cả 2 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03/9/2000 và Trần Yên N, sinh ngày 03/8/2009 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với anh B. Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn B. Lời đề nghị của chị C qua xem xét, Tòa án nhận thấy: Chị C và anh B được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu từ tháng 9 năm 1999, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hỏi anh chị đã về chung sống với nhau ngay, nay đã có 2 con chung. Như vậy, chị C và anh B đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/1999, mặc dù đã có con chung nhưng anh chị đều thừa nhận là không có đăng ký kết hôn và qua xác minh tại địa phương thì anh chị cũng không có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, nên theo hướng dẫn tại Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mặc dù anh chị chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay chị C và anh B cùng xác định là mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, anh chị không thể tiếp tục chung sống được nữa, chị C có đơn xin được ly hôn với anh B, anh B cũng nhất trí, nên căn cứ Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị C và anh B xác định có 2 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03/9/2000 và Trần Yến N, sinh ngày 03/8/2009, khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao cả 2 con chung là Trần Văn D và Trần Yến N cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung và không phải cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù anh chị không được công nhận là vợ chồng nhưng quyền nghĩa vụ của anh, chị với con chung được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ với con chung. Xét việc thỏa thuận của anh, chị là tự nguyện, các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị C, nên căn cứ Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận việc thỏa thuận của anh chị.

[4] Về tài sản: Chị C và anh B cùng thống nhất không có gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

□p dụng Điều 28, 147, 227, 228, 235, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hoàng Thị C và anh Trần Văn B: Giao cả 2 con chung là Trần Văn D, sinh ngày 03/9/2000 và Trần Yến N, sinh ngày 03/8/2009 cho chị Hoàng Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra đối với anh B. Anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/04375 ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Hoàng Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án (hoặc niêm yết bản án)/.

Nơi nhận:

- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Phương